

Bản án số: 28/2026/DS-ST

Ngày: 01/4/2026

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chung

Bà Nguyễn Thị Huệ

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Nam Khánh – Thư ký TAND khu vực 8 - Bắc Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 48/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Công ty cổ phần M; Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T - Tổng giám đốc Công ty cổ phần M.

1.2. Ngân hàng TMCP V; Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V: Ông Nguyễn Tiến T1, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Hoàng Văn G, sinh năm 1981 và bà Dương Thị G1, sinh năm 1990; Địa chỉ: TDP Q, phường Q, tỉnh Bắc Ninh. (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến T1 trình bày:**

Bà Dương Thị G1 và ông Hoàng Văn G có vay tiền của Ngân hàng TMCP V theo 01 Hợp đồng tín dụng với số tiền 505.000.000 đồng và 01 thẻ tín dụng với hạn mức đề nghị ban đầu là 30.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2410294151668 ngày 01/11/2024:

- Số tiền vay: 505.000.000 đồng.

- Thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay.

- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh sản xuất mua bán băng dính.

- Lãi suất trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 6,19%/năm. Lãi suất cho vay được cố định 3 tháng kể từ ngày giải ngân (“Thời gian cố định”). Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau Thời gian cố định. Sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được V1 công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,5%/năm.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/10/2024:

- Hạn mức đề nghị ban đầu là: 30.000.000 đồng.

- Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng

- Lãi suất trong hạn: 39.48%

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 03 tờ bản đồ số Mảnh trích đo địa chính số 11/2018, diện tích 696m² tại địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang theo Hợp đồng thế chấp số 144/HĐTC-2024 ngày 30/10/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông G, bà G. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên bà Dương Thị G1 và ông Hoàng Văn G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10/04/2025, và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 33/2025/VPB-JUPITER ngày 28/07/2025, Hợp đồng chuyển nhượng số 34/2025/VPB-JUPITER ngày 28/07/2025 và các Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V với Công ty Cổ Phần M thì Công ty Cổ Phần M đã mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là bà Dương Thị G1 và ông Hoàng Văn G, cụ thể như sau:

- Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng số LN2410294151668 ngày 01/11/2024 nêu trên.

- Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 29/10/2024.

Quá trình xử lý khoản vay, V1 và J đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà Dương Thị G1 và ông Hoàng Văn G thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho VPBank/Jupiter, tuy nhiên bà Dương Thị G1 và ông Hoàng Văn G không thực hiện.

Nay Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V yêu cầu ông Hoàng Văn G và bà Dương Thị G1 phải trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 01/4/2026 như sau:

- Trả cho Công ty cổ phần M tổng số tiền còn nợ là 617.336.413 đồng, trong đó: 507.959.519 đồng tiền nợ gốc, 109.376.894 đồng tiền nợ lãi (tương đương 95% dư nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2410294151668 ngày 01/11/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông G1, bà G1; và 100% dư nợ theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/10/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông G1, bà G1).

- Trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền còn nợ là 30.062.591 đồng, trong đó: 25.250.000 đồng tiền nợ gốc, 4.812.591 đồng tiền nợ lãi (tương đương

05% dư nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2410294151668 ngày 01/11/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông G1, bà G1).

Kể từ ngày 02/4/2026 cho đến khi thi hành án xong, ông G1, bà G1 phải tiếp tục trả cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2410294151668 ngày 01/11/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông G1, bà G1; và theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/10/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông G1, bà G1.

Nếu ông G1, bà G1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm là thửa đất số số 03, tờ bản đồ số: Mảnh trích đo địa chính số 11/2018 tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn K, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất, theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số 144/HĐTC-2024 ngày 30/10/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông ông G1, bà G1.

Trường hợp số tiền thu hồi từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả các khoản nợ cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V, thì ông G1, bà G1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V cho tới khi thanh toán hết nợ.

**** Bị đơn là ông Hoàng Văn G và bà Dương Thị G1 trình bày:***

Do có nhu cầu vay tiền để phục vụ chi tiêu của gia đình, nên ông G1, bà G1 có thống nhất vay tiền của Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng), cụ thể như sau:

Ngày 01/11/2024 ông G1, bà G1 ký hợp đồng vay của Ngân hàng số tiền 505 triệu đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2410294151668.

Ngoài ra, ông G1, bà G1 còn mở 01 thẻ tín dụng hạn mức 30.000.000 đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 29/10/2024.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên thì ông G1, bà G1 có thể chấp cho Ngân hàng thửa đất số 03, tờ bản đồ số: Mảnh trích đo địa chính số 11/2018 tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang theo Hợp đồng thế chấp số 144/HĐTC-

2024 ngày 30/10/2024. Toàn bộ thừa đất và tài sản gắn liền trên đất là tài sản của ông G1, bà G1, không liên quan gì đến ai khác.

Quá trình thực hiện hợp đồng do kinh tế gia đình gặp khó khăn, nên từ ngày 10/4/2025 ông G1, bà G1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận.

Đến nay, phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông G1, bà G1 phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi thì ông G1, bà G1 cũng đồng ý, tuy nhiên đề nghị phía nguyên đơn cho ông G1, bà G1 thêm thời gian để thu xếp tiền trả nợ, và giảm một phần tiền lãi cho ông G1, bà G1. Trong trường hợp ông G1, bà G1 không trả được nợ cho nguyên đơn thì ông G1, bà G1 cũng đồng ý để nguyên đơn xử lý tài sản thế chấp như thỏa thuận.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến:**

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành tốt nghĩa vụ tham gia tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 116, 117, 118, 119, 317, 318, 319, 320, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 186, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M.

Tính đến ngày 01/4/2026 ông Hoàng Văn G và bà Dương Thị G1 phải trả cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ như sau:

- Trả cho Công ty cổ phần M tổng số tiền còn nợ là 617.336.413 đồng, trong đó: 507.959.519 đồng tiền nợ gốc, 109.376.894 đồng tiền nợ lãi.

- Trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền còn nợ là 30.062.591 đồng, trong đó: 25.250.000 đồng tiền nợ gốc, 4.812.591 đồng tiền nợ lãi.

Kể từ ngày 02/4/2026 cho đến khi thi hành án xong, ông G1, bà G1 phải tiếp tục trả cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2410294151668 ngày 01/11/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông G1, bà G1; và theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát

hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/10/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông G1, bà G1.

Nếu ông G1, bà G1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm là thửa đất số số 03, tờ bản đồ số: Mảnh trích đo địa chính số 11/2018 tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn K, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất, theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số 144/HĐTC-2024 ngày 30/10/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông ông G1, bà G1.

Trường hợp số tiền thu hồi từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả các khoản nợ cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V, thì ông G1, bà G1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V cho tới khi thanh toán hết nợ.

Về chi phí tố tụng và án phí: Ông G1, bà G1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Hoàng Văn G và bà Dương Thị G1 (Đều địa chỉ: TDP Q, phường Q, tỉnh Bắc Ninh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 8 - Bắc Ninh.

Ông G1, bà G1 đã được Tòa án triệu tập lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Ngày 01/11/2024 ông Hoàng Văn G và bà Dương Thị G1 có vay của Ngân hàng TMCP V số tiền 505.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2410294151668, và có mở 01 thẻ tín dụng hạn mức 30.000.000 đồng theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/10/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông G1, bà G1. Các Hợp đồng này đều được hai bên tự nguyện ký kết, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, ông G1, bà G1 có thể chấp cho Ngân hàng TMCP V thửa đất số số 03, tờ bản đồ số: Mảnh trích đo địa chính số 11/2018 tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn K, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất, theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số 144/HĐTC-2024 ngày 30/10/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông ông G1, bà G1. Hợp đồng thế chấp này đều được hai bên tự nguyện ký kết, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, tài sản thế chấp đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên có hiệu lực pháp luật.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 33/2025/VPB-JUPITER ngày 28/07/2025, Hợp đồng chuyển nhượng số 34/2025/VPB-JUPITER ngày 28/07/2025 và các Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V với Công ty Cổ Phần M thì Công ty Cổ Phần M đã mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là bà Dương Thị G1 và ông Hoàng Văn G, cụ thể như sau: Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng số LN2410294151668 ngày 01/11/2024; và toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 29/10/2024. Việc mua bán nợ giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ Phần M là phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng trên bà Dương Thị G1 và ông Hoàng Văn G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10/04/2025, nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng từ đó đến nay. Tính đến ngày 01/4/2026 ông G, bà G còn nợ Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ Phần M tổng số tiền là 647.399.005 đồng. Do đó, việc Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ Phần M yêu cầu ông G, bà G phải thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông G, bà G phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 116, 117, 118, 119, 317, 318, 319, 320, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 186, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Tính đến ngày 01/4/2026 ông Hoàng Văn G và bà Dương Thị G1 phải trả cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ như sau:

- Trả cho Công ty cổ phần M tổng số tiền còn nợ là 617.336.413 đồng, trong đó: 507.959.519 đồng tiền nợ gốc, 109.376.894 đồng tiền nợ lãi (tương đương 95% dư nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2410294151668 ngày 01/11/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông G1, bà G1; và 100% dư nợ theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/10/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông G1, bà G1).

- Trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền còn nợ là 30.062.591 đồng, trong đó: 25.250.000 đồng tiền nợ gốc, 4.812.591 đồng tiền nợ lãi (tương đương 05% dư nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2410294151668 ngày 01/11/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông G1, bà G1).

2. Kể từ ngày 02/4/2026 cho đến khi thi hành án xong, ông G1, bà G1 phải tiếp tục trả cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2410294151668 ngày 01/11/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông G1, bà G1; và theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/10/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông G1, bà G1.

3. Nếu ông G1, bà G1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm là thửa đất số số 03, tờ bản đồ số: Mảnh trích đo địa chính số 11/2018 tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn K, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất, theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số 144/HĐTC-2024 ngày 30/10/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông ông G1, bà G1.

4. Trường hợp số tiền thu hồi từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả các khoản nợ cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V, thì ông G1, bà G1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V cho tới khi thanh toán hết nợ.

5. Về chi phí tố tụng: Ông G1, bà G1 phải trả cho Công ty Cổ Phần M 15.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

6. Về án phí: Ông G1, bà G1 phải chịu tổng số 29.895.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP V 703.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004443 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Trả lại Công ty Cổ Phần M 13.480.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004442 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

7. Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND KV8-Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chung

Nguyễn Thị Huệ

Phan Minh Đức

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2026.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh.

Với Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Đ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị C

Bà Nguyễn Thị H

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 182/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc “**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**” giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Áp dụng Điều 116, 117, 118, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26, 35, 39, 147, 186, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Tính đến ngày 21/7/2025 chị Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền còn nợ là: 699.614.958 đồng, trong đó: 360.000.000 đồng tiền nợ gốc, 339.614.958 đồng tiền nợ lãi, theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ1 ký kết ngày 07/12/2022.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3.

2. Kể từ ngày 22/7/2025 cho tới khi thi hành án xong, chị P còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP V tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ1 ký kết ngày 07/12/2022.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3.

3. Chị P phải chịu 31.984.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP V 14.819.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003462 ngày 29/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quế Võ.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3.

4. Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3.

Nghị án kết thúc vào **hồi giờ** phút, **ngày tháng năm 2026.**

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chung

Nguyễn Thị Huệ

Phan Minh Đức